

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6207
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200001	ĐÀO BÌNH AN	Nữ	20/10/2011	Trường THCS Vũ Đông	0	0
2	61200002	ĐẶNG BÌNH AN	Nữ	10/03/2011	THCS Tây Sơn	0	0
3	61200003	HÒA KHÁNH AN	Nữ	18/10/2011	Tiểu học và THCS An Dục	0	0
4	61200005	NGUYỄN THỊ HÒA AN	Nữ	23/08/2011	Trường THCS Vũ Lạc	0	0
5	61200006	PHẠM TRÚC AN	Nữ	08/08/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
6	61200007	TRẦN BAO AN	Nữ	20/08/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
7	61200009	TRẦN HẢI AN	Nữ	28/02/2011	THCS 14-10	0	0
8	61200010	TRẦN VIỆT AN	Nam	19/03/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
9	61200011	BUI QUANG ANH	Nam	02/03/2011	Trường TH&THCS Việt Hùng	0	0
10	61200015	ĐẶNG MAI ANH	Nữ	10/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61200016	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	Nữ	12/10/2011	Trường THCS Minh Lăng	0	0
12	61200017	ĐẶNG QUỲNH ANH	Nữ	26/11/2011	TH và THCS Song An	0	0
13	61200018	ĐINH NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	17/02/2011	THCS 14-10	0	1
14	61200019	ĐINH THỊ HOÀNG ANH	Nữ	12/10/2011	TH và THCS An Vũ	0	0
15	61200020	ĐỖ ĐỨC ANH	Nam	03/12/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0
16	61200021	ĐỖ MINH ANH	Nữ	23/01/2011	THCS Tây Sơn	0	0
17	61200022	ĐỖ QUỲNH ANH	Nữ	10/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
18	61200023	GIANG QUỲNH ANH	Nữ	25/07/2011	THCS Tây Sơn	0	0
19	61200024	GIANG VŨ HÀ ANH	Nữ	31/03/2011	THCS Tây Sơn	0	0
20	61200025	HÀ VIỆT ANH	Nam	29/09/2011	THCS Tây Sơn	0	0
21	61200026	KHÚC THỰC ANH	Nữ	24/06/2011	Trường THCS Minh Thành	0	1
22	61200027	LẠI DUY ANH	Nam	09/09/2011	THCS Tây Sơn	0	0
23	61200028	LÊ MINH ANH	Nữ	29/09/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
24	61200029	LƯƠNG HỒNG ANH	Nữ	27/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6208
HỘI ĐỒNG CỎI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200030	MAI LAN ANH	Nữ	25/04/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Động	0	0
2	61200031	MAI PHƯƠNG ANH	Nữ	19/02/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
3	61200032	NGHIÊM HÀ ANH	Nữ	23/01/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0
4	61200033	NGÔ CHÂU ANH	Nữ	28/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
5	61200034	NGÔ DIỆP ANH	Nữ	28/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
6	61200035	NGUYỄN CHÂU ANH	Nữ	16/08/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Xuyên	0	0
7	61200036	NGUYỄN DIỆP ANH	Nữ	05/12/2011	THCS Tây Sơn	0	0
8	61200037	NGUYỄN DIỆP ANH	Nữ	24/03/2011	THCS Vũ Thư	0	0
9	61200039	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	20/02/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
10	61200040	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	17/01/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0,5
11	61200041	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	30/09/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
12	61200042	NGUYỄN HÀ ANH	Nữ	13/04/2011	THCS Tây Sơn	0	0
13	61200043	NGUYỄN HẢI ANH	Nữ	10/06/2011	THCS Tây Sơn	0	0
14	61200044	NGUYỄN HẢI ANH	Nữ	11/04/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
15	61200045	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	23/06/2011	Trường THCS Tân Phong	0	0
16	61200048	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	17/09/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
17	61200049	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	Nữ	09/07/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
18	61200051	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	04/10/2011	Trường THCS Nam Thắng	0	0
19	61200052	NGUYỄN VŨ ĐỨC ANH	Nam	23/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
20	61200053	PHẠM HÀ ANH	Nữ	31/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
21	61200055	PHẠM LÂM NGỌC ANH	Nữ	18/06/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
22	61200056	PHẠM LÊU TRÂM ANH	Nữ	15/11/2011	THCS Tây Sơn	0	0
23	61200057	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	06/11/2011	THCS 14-10	0	0
24	61200058	PHẠM THỊ HÀ ANH	Nữ	12/08/2011	THCS An Vinh	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6209
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200059	PHẠM VĂN ANH	Nữ	16/01/2011	TH-THCS Vũ Đoài	0	0
2	61200060	PHÍ MINH ANH	Nữ	11/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
3	61200064	TRẦN HÀ ANH	Nữ	24/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
4	61200065	TRẦN LÊ NGỌC ANH	Nữ	06/08/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
5	61200066	TRẦN MINH ANH	Nữ	15/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
6	61200067	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	11/11/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
7	61200068	TRẦN THỂ ANH	Nam	07/09/2009	Trường THCS Phúc Khánh	0	0
8	61200070	TRƯƠNG VIỆT ANH	Nam	15/04/2011	Trường Tiểu học và THCS Vũ Thắng	0	0
9	61200071	VŨ PHẠM KIM ANH	Nữ	22/02/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Thọ	0	0
10	61200073	VŨ TÚ ANH	Nữ	27/06/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
11	61200074	TRẦN THỊ VÂN ANH	Nữ	11/05/2011	THCS Tân Lập	0	0
12	61200076	LƯƠNG GIA BẢO	Nam	25/04/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
13	61200078	PHẠM GIA BẢO	Nam	01/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
14	61200079	PHẠM HỮU GIA BẢO	Nam	19/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
15	61200080	TRẦN TÔ GIA BẢO	Nam	29/07/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Xuyên	0	0
16	61200081	CAO ĐỨC BÌNH	Nam	06/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
17	61200082	ĐÀO AN BÌNH	Nam	28/12/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
18	61200084	PHẠM GIA BÌNH	Nam	26/11/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
19	61200085	QUÁCH GIANG BÌNH	Nữ	30/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
20	61200088	ĐINH BẢO CHÂU	Nữ	25/07/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
21	61200089	HOÀNG MINH CHÂU	Nữ	28/02/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
22	61200090	HOÀNG MINH CHÂU	Nữ	10/09/2011	THCS Tân Lập	0	0
23	61200091	NGÔ BẢO CHÂU	Nữ	08/09/2011	Trường TH&THCS Vũ Trung	0	0
24	61200092	NGÔ DUY BẢO CHÂU	Nam	20/03/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6210
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200094	NGUYỄN BẢO CHÂU	Nữ	02/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
2	61200095	PHẠM BẢO CHÂU	Nam	25/12/2011	Trường THCS Minh Quang	0	0
3	61200096	PHẠM BẢO CHÂU	Nữ	19/08/2011	Trường THCS Đông Mỹ	0	0
4	61200099	BÙI QUỲNH CHI	Nữ	08/05/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
5	61200100	ĐẶNG MAI CHI	Nữ	07/03/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Động	0	0
6	61200101	ĐOÀN LINH CHI	Nữ	01/11/2011	Trường THCS Đông Sơn	0	0
7	61200102	ĐOÀN VÂN CHI	Nữ	20/05/2011	THCS Tây Sơn	0	0
8	61200103	HÀ KHÁNH CHI	Nữ	05/11/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
9	61200104	HOÀNG HÀ CHI	Nữ	06/04/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
10	61200106	LÊ MINH DIỆP CHI	Nữ	30/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61200107	LƯU BẢO CHI	Nữ	26/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
12	61200108	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	25/08/2011	THCS Tây Sơn	0	0
13	61200109	NGUYỄN THỊ UYÊN CHI	Nữ	20/10/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
14	61200110	PHAN HÀ CHI	Nữ	20/03/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
15	61200111	TẠ QUẾ CHI	Nữ	17/12/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	1
16	61200112	TRẦN MAI CHI	Nữ	29/07/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
17	61200117	LÊ HÀ NGỌC DIỆP	Nữ	19/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
18	61200119	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	02/11/2011	THCS Vũ Thư	0	0
19	61200120	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	12/12/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
20	61200121	PHẠM NGỌC DIỆP	Nữ	21/09/2011	THCS Tây Sơn	0	0
21	61200123	NGUYỄN THUY DUNG	Nữ	20/02/2011	Trường THCS Tân Hòa	0	0
22	61200124	NGUYỄN THUY DUNG	Nữ	18/12/2011	Trường THCS Tân Hòa	0	0
23	61200125	ĐINH TIẾN DŨNG	Nam	28/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
24	61200126	HÀ ANH DŨNG	Nam	01/05/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6211
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200127	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	21/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
2	61200128	PHẠM ĐỨC DŨNG	Nam	02/03/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
3	61200130	TRẦN MINH DŨNG	Nam	27/08/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
4	61200133	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	04/03/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0
5	61200135	PHẠM THẾ DUY	Nam	12/11/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0
6	61200136	ĐẶNG HOÀNG DUYỀN	Nữ	20/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
7	61200137	PHẠM HƯƠNG DUYỀN	Nữ	24/10/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
8	61200143	NGUYỄN THẢO DƯƠNG	Nữ	01/04/2011	Trung Học Cơ Sở Phong Huy Lĩnh	0	0
9	61200144	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	09/12/2011	Trường THCS Vũ Ninh	0	0
10	61200145	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	15/09/2011	Trường THCS Tân Phong	0	0
11	61200146	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	23/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
12	61200147	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	25/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
13	61200149	PHẠM THÙY DƯƠNG	Nữ	27/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
14	61200150	PHẠM THÙY DƯƠNG	Nữ	21/06/2011	Trường THCS Đông Hòa	0	0
15	61200151	TRẦN THÙY DƯƠNG	Nữ	13/09/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
16	61200152	VŨ CHI BẠCH DƯƠNG	Nữ	16/12/2011	Trường THCS Vũ Đông	0	0
17	61200156	HOÀNG THÀNH ĐẠT	Nam	11/04/2011	Trường THCS Lê Danh Phương	0	0
18	61200158	PHAN THÀNH ĐẠT	Nam	17/06/2011	THCS Trung An	0	0
19	61200160	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	23/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
20	61200161	PHẠM MINH ĐĂNG	Nam	19/04/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
21	61200162	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐIỆP	Nữ	07/11/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
22	61200164	MAI NGUYỄN ĐỨC	Nam	02/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
23	61200165	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	17/08/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
24	61200166	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	18/02/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Quý	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6212
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200167	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	29/11/2011	THCS Tây Sơn	0	0
2	61200168	PHAN MINH ĐỨC	Nam	20/08/2011	Trường THCS Tân Hòa	0	0
3	61200169	PHAN VIỆT ĐỨC	Nam	02/07/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
4	61200172	VŨ VIỆT ĐỨC	Nam	01/05/2011	THCS Vũ Thư	0	0
5	61200173	ĐINH HƯƠNG GIANG	Nữ	15/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
6	61200174	ĐOÀN NAM GIANG	Nam	01/05/2011	THCS 14-10	0	0
7	61200176	NGUYỄN MINH GIANG	Nữ	03/07/2011	Trường THCS Phúc Khánh	0	0
8	61200180	VŨ HƯƠNG GIANG	Nữ	06/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
9	61200181	VŨ THỊ THÁI GIANG	Nữ	18/10/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
10	61200182	CHU KHÁNH HÀ	Nữ	31/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61200183	ĐẶNG MINH HÀ	Nữ	19/01/2011	THCS Vũ Thư	0	0
12	61200184	ĐẶNG NGÂN HÀ	Nữ	19/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
13	61200185	LẠI VIỆT HÀ	Nữ	15/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
14	61200186	LƯƠNG THỊ VÂN HÀ	Nữ	05/10/2011	THCS 14-10	0	0
15	61200187	NGUYỄN KHÁNH HÀ	Nữ	06/07/2011	THCS 14-10	0	0
16	61200188	NGUYỄN KHÁNH HÀ	Nữ	02/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
17	61200189	NGUYỄN MINH HÀ	Nữ	30/10/2011	Trường THCS Vũ Lạc	0	0
18	61200190	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	18/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
19	61200191	PHẠM NỮ NGUYỆT HÀ	Nữ	06/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
20	61200192	PHẠM THANH HÀ	Nữ	13/07/2011	Trường THCS Lê Hồng Phong	0	0
21	61200193	PHẠM THU HÀ	Nữ	21/04/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
22	61200194	VŨ KHÁNH HÀ	Nữ	29/11/2011	Trường TH và THCS Tam Quang	0	0
23	61200195	VŨ KHÁNH HÀ	Nữ	01/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
24	61200196	VŨ PHƯƠNG HÀ	Nữ	05/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6213
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200197	BÙI MINH HẢI	Nam	03/12/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
2	61200198	BÙI SƠN HẢI	Nam	29/09/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
3	61200199	PHẠM BÍCH HẢI	Nữ	23/12/2011	THCS Tây Sơn	0	0
4	61200200	PHẠM HỒNG HẠNH	Nữ	28/12/2011	Tiểu học và THCS Đông Hoàng	0	1,5
5	61200201	ĐẬU VŨ MINH HẰNG	Nữ	15/07/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
6	61200202	ĐOÀN MINH HẰNG	Nữ	04/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
7	61200205	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	10/06/2011	THCS Vũ Thư	0	0
8	61200206	VŨ MINH HẰNG	Nữ	02/03/2011	THCS TRỌNG QUAN	0	0
9	61200209	LÊ BẢO HÂN	Nữ	14/12/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
10	61200210	LÊ NGỌC HÂN	Nữ	29/04/2011	THCS 14-10	0	0
11	61200211	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	31/05/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
12	61200212	THÁI GIA HÂN	Nữ	13/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
13	61200213	TRƯƠNG MỸ HIỀN	Nữ	26/10/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
14	61200214	ĐÌNH ĐỨC HIẾU	Nam	15/06/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
15	61200215	NGÔ DUY HIẾU	Nam	26/06/2011	THCS 14-10	0	0,5
16	61200216	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	Nam	28/10/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
17	61200217	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	13/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
18	61200218	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	09/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
19	61200221	HÀ VŨ MỸ HOA	Nữ	16/03/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
20	61200223	PHÍ BẢO HÒA	Nữ	05/06/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0
21	61200224	TRẦN HỮU HÒA	Nam	29/11/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
22	61200226	NGÔ GIA HUẤN	Nam	21/04/2011	Trường THCS Phúc Khánh	0	0
23	61200227	HOÀNG MẠNH HÙNG	Nam	05/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
24	61200228	NGUYỄN GIA HÙNG	Nam	27/03/2011	THCS Vũ Thư	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6214
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200229	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	19/03/2011	THCS Quỳnh Côi	0	1
2	61200230	BÙI TRẦN GIA HUY	Nam	30/12/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
3	61200231	CAO QUỐC HUY	Nam	08/08/2011	THCS Tây Sơn	0	0
4	61200233	ĐẶNG VĂN HUY	Nam	10/05/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
5	61200234	HÀ GIA HUY	Nam	27/04/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
6	61200237	LẠI MINH HUY	Nam	25/03/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
7	61200243	PHẠM GIA HUY	Nam	03/10/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0
8	61200244	PHẠM VĂN BỘI HUY	Nam	03/09/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
9	61200246	ĐẶNG KHÁNH HUYỀN	Nữ	18/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
10	61200247	ĐỖ THỊ THU HUYỀN	Nữ	10/01/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Phúc Thành	0	0
11	61200248	HÀ NGỌC HUYỀN	Nữ	13/02/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở An Bồi	0	1
12	61200251	TRẦN THANH HUYỀN	Nữ	13/09/2011	Trường THCS Vũ Tiến	0	0
13	61200253	ĐẶNG GIA HÙNG	Nam	09/03/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
14	61200254	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	Nam	01/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
15	61200255	NGUYỄN TUẤN HÙNG	Nam	02/12/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
16	61200256	PHẠM QUANG HÙNG	Nam	13/08/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
17	61200257	BÙI THẢO HƯƠNG	Nữ	24/08/2011	Trường THCS Vũ Phúc	0	0
18	61200260	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	30/11/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
19	61200261	ĐỖ NGUYỄN PHÚC KHẢI	Nam	02/02/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Bắc Hải	0	0
20	61200264	PHAN MINH KHANG	Nam	06/12/2011	Trường THCS Tân Phong	0	0
21	61200265	TRẦN NGUYỄN KHANG	Nam	20/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
22	61200268	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	20/04/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
23	61200269	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nam	08/06/2011	Trường THCS Vũ Lạc	0	0
24	61200271	TRẦN NAM KHÁNH	Nam	20/06/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6215
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200273	ĐOÀN MINH KHÔI	Nam	04/11/2011	Trường TH&THCS Tân Bình	0	0
2	61200274	NGUYỄN MINH KHÔI	Nam	27/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
3	61200277	BÙI PHẠM THANH LAM	Nữ	14/03/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
4	61200278	NGÔ HOÀNG LAN	Nữ	16/08/2011	Trường THCS Phúc Khánh	0	0
5	61200279	ĐẶNG PHÚC LÂM	Nam	19/07/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
6	61200280	ĐẶNG TÔ TUỆ LÂM	Nữ	03/01/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
7	61200281	ĐOÀN LƯU TUỆ LÂM	Nữ	20/03/2011	Trường THCS Trần Lâm	0	0
8	61200283	HOÀNG TÙNG LÂM	Nam	29/06/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
9	61200284	LÊ HOÀNG LÂM	Nam	09/01/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
10	61200285	LÊ TUỆ LÂM	Nữ	25/05/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
11	61200286	MAI TÙNG LÂM	Nam	06/12/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
12	61200288	TẠ HÀ LÂM	Nam	20/03/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
13	61200290	LƯU HÀ LIÊN	Nữ	05/12/2011	Trường THCS Tân Phong	0	0
14	61200291	BÙI HIỀN LINH	Nữ	21/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
15	61200292	CHU THẢO LINH	Nữ	20/09/2011	Trường THCS Vũ Ninh	0	0
16	61200293	ĐÀO MINH GIA LINH	Nữ	06/03/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
17	61200294	ĐINH VŨ HÀ LINH	Nữ	03/08/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
18	61200295	ĐOÀN NHẬT LINH	Nữ	15/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
19	61200296	ĐỖ HÀ LINH	Nữ	09/08/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
20	61200297	ĐỖ HÀ LINH	Nữ	20/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
21	61200298	HOÀNG HÀ NHẬT LINH	Nữ	20/02/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
22	61200299	LƯƠNG GIA LINH	Nữ	19/05/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
23	61200300	NGÔ GIA LINH	Nữ	21/09/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
24	61200302	NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	25/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6216
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200303	NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	31/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
2	61200304	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	15/11/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
3	61200305	NGUYỄN LƯU PHƯƠNG LINH	Nữ	27/12/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
4	61200307	NGUYỄN NHƯ TRANG LINH	Nữ	06/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
5	61200309	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	22/05/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Xuyên	0	0
6	61200310	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	Nữ	03/08/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
7	61200311	NGUYỄN UYÊN LINH	Nữ	22/12/2011	TH-THCS Vũ Đoài	0	0
8	61200312	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	01/01/2011	THCS Quỳnh Côi	0	0
9	61200313	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	20/09/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
10	61200315	PHẠM MAI PHƯƠNG LINH	Nữ	30/04/2011	THCS 14-10	0	0
11	61200316	PHẠM PHƯƠNG LINH	Nữ	28/07/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
12	61200317	PHÍ NGỌC LINH	Nữ	17/06/2011	Trường THCS Trần Lâm	0	0
13	61200321	TRẦN THỊ GIA LINH	Nữ	17/10/2011	Trường THCS Thụy Liên	0	0
14	61200322	TRẦN THỊ THUẬN LINH	Nữ	01/01/2011	Trường THCS Trần Thái Tông	0	0
15	61200323	TRẦN TÔ THẢO LINH	Nữ	18/12/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
16	61200325	HOÀNG TUẤN LONG	Nam	28/12/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
17	61200327	LUU THIÊN LONG	Nam	24/02/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
18	61200329	HOÀNG XUÂN LỘC	Nam	02/09/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
19	61200330	MAI THẮNG LỢI	Nam	23/08/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
20	61200333	VŨ KHÁNH LY	Nữ	07/02/2011	THCS Trung An	0	0
21	61200334	VŨ THẢO LY	Nữ	21/01/2011	THCS 14-10	0	1
22	61200335	PHẠM THỊ HỒNG LÝ	Nữ	04/05/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Phúc Thành	0	0
23	61200336	BÙI PHƯƠNG MAI	Nữ	17/02/2011	Trường THCS Minh Thành	0	1,5
24	61200339	LÊ NGỌC MAI	Nữ	28/12/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6217
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200340	LÊ TRÚC MAI	Nữ	21/12/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
2	61200341	LƯƠNG HOÀNG MAI	Nữ	12/01/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
3	61200344	PHẠM THỊ XUÂN MAI	Nữ	07/02/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
4	61200347	VŨ LÊ NHƯ MAI	Nữ	02/12/2011	Trường THCS Trần Lâm	0	0
5	61200348	VŨ PHƯƠNG MAI	Nữ	22/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
6	61200351	BÙI LÊ NGỌC MINH	Nữ	24/08/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
7	61200352	ĐOÀN NHẬT MINH	Nam	16/08/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
8	61200353	ĐỖ VŨ BÌNH MINH	Nam	15/07/2011	Trường THCS Đông Hòa	0	0
9	61200354	GIANG NHẬT MINH	Nam	06/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
10	61200355	KHÔNG TIẾN MINH	Nam	23/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61200356	LƯƠNG NHẬT MINH	Nam	06/12/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
12	61200357	NGUYỄN BẢO MINH	Nam	01/08/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
13	61200358	NGUYỄN BÌNH MINH	Nam	29/07/2011	THCS Tây Sơn	0	0
14	61200359	NGUYỄN ĐIỀU MINH	Nữ	10/01/2011	Trường THCS Vũ Ninh	0	0
15	61200362	NGUYỄN MINH	Nam	05/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
16	61200364	NGUYỄN TĂNG NHẬT MINH	Nam	28/06/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
17	61200365	NGUYỄN THÀNH MINH	Nam	19/06/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
18	61200366	NGUYỄN TRẦN HIỆU MINH	Nữ	27/10/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
19	61200368	PHẠM PHƯƠNG MINH	Nữ	07/11/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
20	61200369	TRẦN QUANG MINH	Nam	12/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
21	61200370	TRẦN QUANG MINH	Nam	16/11/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0
22	61200371	TRẦN TUỆ MINH	Nữ	16/01/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
23	61200372	VŨ NGỌC DUY MINH	Nam	09/02/2011	THCS Tây Sơn	0	0
24	61200373	ĐỖ HÀ MY	Nữ	23/09/2011	THCS Trung An	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6218
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200375	LẠI TRẦN HÀ MY	Nữ	22/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
2	61200376	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	24/01/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0
3	61200377	NGUYỄN THẢO MY	Nữ	20/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
4	61200379	TRẦN HÀ MY	Nữ	16/09/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0
5	61200380	TRẦN NỮ DIỄM MY	Nữ	29/01/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
6	61200381	NGUYỄN THANH MỸ	Nữ	20/02/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Các	0	0
7	61200383	NGUYỄN BẢO NAM	Nam	27/01/2011	Trường THCS Trần Phú	0	1,5
8	61200384	NGUYỄN DU BẢO NAM	Nam	18/03/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
9	61200385	NGUYỄN TUẤN NAM	Nam	08/08/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
10	61200386	PHẠM ĐỨC NAM	Nam	28/12/2011	THCS Tân Lập	0	0
11	61200387	PHẠM NGUYỄN BẢO NAM	Nam	17/10/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
12	61200388	DOÃN PHƯƠNG NGA	Nữ	12/08/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0
13	61200389	TRẦN QUỲNH NGA	Nữ	17/05/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
14	61200392	BÙI THANH NGÂN	Nữ	02/02/2011	TH-THCS Vũ Vinh	0	0
15	61200393	BÙI THỊ PHÚC NGÂN	Nữ	01/05/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
16	61200394	ĐỖ KHÁNH NGÂN	Nữ	08/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
17	61200395	NGUYỄN NHƯ NGÂN	Nữ	14/01/2011	THCS Trung An	0	0
18	61200396	BÙI TRỌNG NGHĨA	Nam	09/06/2011	THCS Tây Sơn	0	0
19	61200397	PHẠM NGUYỄN QUỐC NGHĨA	Nam	04/01/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
20	61200398	BÙI BẢO NGỌC	Nữ	02/11/2011	TH và THCS Song An	0	0
21	61200399	BÙI BẢO NGỌC	Nữ	29/07/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
22	61200400	BÙI KIM NGỌC	Nữ	24/05/2011	TH-THCS Vũ Vinh	0	0
23	61200401	DƯƠNG ANH NGỌC	Nữ	18/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
24	61200402	ĐẶNG LÊ BẢO NGỌC	Nữ	31/08/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6219
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200403	HỒ BẢO NGỌC	Nữ	22/03/2011	Trường TH và THCS Hiệp Hòa	0	0
2	61200406	NGUYỄN ĐẶNG YẾN NGỌC	Nữ	26/07/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
3	61200407	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	12/02/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
4	61200408	PHẠM KHÁNH NGỌC	Nữ	19/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
5	61200411	TRẦN VŨ BẢO NGỌC	Nữ	20/03/2011	THCS Vũ Thư	0	0
6	61200415	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	Nam	11/11/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
7	61200416	ĐỖ THẢO NGUYỄN	Nữ	23/09/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
8	61200417	HÀ THẢO NGUYỄN	Nữ	30/05/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Phúc Thành	0	0
9	61200419	LẠI THẢO NGUYỄN	Nữ	17/12/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Xuyên	0	0
10	61200421	LÊ THẢO NGUYỄN	Nữ	30/06/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
11	61200423	VŨ THẢO NGUYỄN	Nữ	24/09/2011	THCS Tây Sơn	0	0
12	61200424	NGUYỄN THIÊN NHÂN	Nam	29/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
13	61200426	PHẠM MINH NHẬT	Nam	21/02/2011	THCS Bách Thuận	0	0
14	61200427	BÙI ĐOÀN TUỆ NHI	Nữ	07/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
15	61200428	ĐOÀN NGUYỄN NGỌC NHI	Nữ	15/11/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
16	61200429	LÊ PHƯƠNG NHI	Nữ	05/09/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
17	61200431	NGUYỄN HOÀNG NHI	Nữ	03/08/2011	THCS Quỳnh Côi	0	0
18	61200433	PHẠM YẾN NHI	Nữ	24/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
19	61200434	BÙI AN NHIÊN	Nữ	19/01/2011	THCS 14-10	0	0
20	61200437	VŨ HỒNG NHUNG	Nữ	10/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
21	61200438	BÙI TRẦN NGỌC NHƯ	Nữ	13/05/2011	Trường TH&THCS Tự Tân	0	0
22	61200439	PHẠM YẾN NHƯ	Nữ	03/07/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
23	61200440	PHÙNG BẢO NHƯ	Nữ	17/07/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
24	61200442	NGUYỄN HẢI PHONG	Nam	29/11/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6220
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH**
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200443	NGUYỄN HOÀNG PHONG	Nam	26/11/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
2	61200446	VŨ ĐÌNH PHÚ	Nam	23/04/2011	Trường TH&THCS Tân Bình	0	0
3	61200447	ĐÌNH MINH PHÚC	Nam	30/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
4	61200450	NGUYỄN VŨ BẢO PHÚC	Nam	19/05/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
5	61200452	PHẠM XUÂN PHÚC	Nam	05/10/2011	THCS Tây Sơn	0	0
6	61200454	HOÀNG MINH PHƯƠNG	Nữ	06/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
7	61200456	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	29/09/2011	Trường THCS Vũ Chính	0	0
8	61200457	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	05/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
9	61200458	PHẠM MAI PHƯƠNG	Nữ	23/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
10	61200459	PHẠM THẢO PHƯƠNG	Nữ	27/06/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
11	61200463	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	18/07/2011	Trường TH&THCS Tân Bình	0	0
12	61200464	TRỊNH QUANG	Nam	28/12/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
13	61200465	VŨ MẠNH QUANG	Nam	20/02/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
14	61200466	ĐÌNH MINH QUÂN	Nam	17/08/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
15	61200467	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	21/03/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
16	61200468	NGUYỄN HỮU QUÂN	Nam	31/05/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
17	61200469	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	10/09/2011	Trường TH&THCS Vũ Trung	0	0
18	61200472	ĐẶNG TÚ QUYÊN	Nữ	22/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
19	61200473	ĐÌNH TỐ QUYÊN	Nữ	26/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
20	61200474	ĐỖ TRỌNG QUYẾT	Nam	01/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	1
21	61200475	NGUYỄN HỮU QUYẾT	Nam	01/09/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyên Xá	0	0
22	61200476	BÙI GIANG SAN	Nam	22/11/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
23	61200477	TRỊNH XUÂN SANG	Nam	05/10/2011	THCS Bách Thuận	0	0
24	61200479	PHẠM HỒNG SƠN	Nam	30/10/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6221
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200481	VŨ THANH TÂM	Nữ	17/01/2011	THCS 14-10	0	0
2	61200482	PHÍ TIẾN TÂN	Nam	08/03/2011	THCS Tây Sơn	0	0
3	61200484	NGUYỄN CHÍ THANH	Nam	30/07/2011	Trường Tiểu học và THCS Vũ An	0	0
4	61200487	KHÚC TRẦN THÀNH	Nam	13/01/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Hưng	0	0
5	61200491	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/10/2011	Trường THCS Song Lãng	0	0
6	61200493	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/11/2011	Trường THCS Lê Danh Phương	0	0
7	61200494	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	14/01/2011	Trường THCS Vũ Đông	0	0
8	61200495	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	22/02/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
9	61200496	PHẠM THU THẢO	Nữ	19/10/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
10	61200497	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/07/2011	THCS 14-10	0	0,5
11	61200498	VŨ THỊ THANH THẢO	Nữ	24/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
12	61200499	BÙI TOÀN THẮNG	Nam	15/04/2011	Trường THCS Phúc Khánh	0	0
13	61200501	ĐINH THỊ MINH THU	Nữ	09/05/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
14	61200503	MAI THỊ THANH THÚY	Nữ	22/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
15	61200504	ĐOÀN NGỌC ANH THU	Nữ	01/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
16	61200505	HOÀNG THỊ MINH THU	Nữ	13/07/2011	Trường THCS Tân Hòa	0	0
17	61200506	LIÊU HÀ ANH THU	Nữ	07/07/2011	THCS Vũ Thư	0	0
18	61200507	NGUYỄN ANH THU	Nữ	28/06/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
19	61200508	NGUYỄN ANH THU	Nữ	16/11/2011	THCS Tây Sơn	0	0
20	61200509	NGUYỄN MINH THU	Nữ	13/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
21	61200510	NGUYỄN THỊ HẢI THU	Nữ	28/06/2011	Trường THCS Vũ Phúc	0	0
22	61200511	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	03/12/2011	TH và THCS An Vũ	0	0
23	61200512	PHẠM ANH THU	Nữ	11/02/2011	Trường THCS Minh Lãng	0	0
24	61200513	PHẠM ANH THU	Nữ	24/03/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6222
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200514	ĐÀO QUÝ THƯƠNG	Nữ	26/03/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0
2	61200515	PHẠM NGỌC KHÁNH THY	Nữ	26/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
3	61200516	LÃ VIỆT TIỀN	Nam	22/10/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
4	61200518	VŨ ĐỨC TIỀN	Nam	23/09/2011	Tiểu học, THCS và THPT Marie Curie Thái Bình	0	0
5	61200520	VŨ NHẬT TIỀN	Nam	10/06/2011	Trường THCS Vũ Chính	0	0
6	61200522	TRẦN NGUYỄN HOÀNG TÔN	Nam	20/10/2011	THCS Tân Lập	0	0
7	61200523	NGÔ THANH TRÀ	Nữ	12/10/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
8	61200524	BÙI HƯƠNG TRANG	Nữ	06/10/2011	Tiểu học, THCS và THPT Marie Curie Thái Bình	0	0
9	61200526	NGUYỄN BẢO TRANG	Nữ	02/04/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
10	61200527	NGUYỄN HỒ BẢO TRANG	Nữ	20/08/2011	Trường TH và THCS Quỳnh Giao	0	0
11	61200530	PHẠM QUỲNH TRANG	Nữ	06/02/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
12	61200532	TRẦN HOÀI MINH TRANG	Nữ	25/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
13	61200533	TRẦN MINH TRANG	Nữ	04/04/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0
14	61200534	NGUYỄN ANH TRÍ	Nam	18/05/2011	Trường TH và THCS Thụy Thanh	0	0,5
15	61200535	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	15/11/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
16	61200537	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	Nữ	12/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
17	61200539	PHẠM THANH TRÚC	Nữ	12/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
18	61200540	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	21/08/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0
19	61200541	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	14/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
20	61200542	PHÍ BẢO TRUNG	Nam	23/11/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
21	61200545	PHẠM MINH TỬ	Nam	14/12/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
22	61200548	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	22/03/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
23	61200549	BÙI DUY TÙNG	Nam	20/06/2011	Trường TH&THCS Tân Bình	0	0
24	61200550	ĐẶNG XUÂN TÙNG	Nam	18/12/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6223
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200551	ĐỖ GIA TÙNG	Nam	01/09/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
2	61200553	LÊ ĐAN TÙNG	Nam	02/03/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
3	61200554	NGUYỄN MINH TÙNG	Nam	20/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
4	61200556	PHẠM THANH TÙNG	Nam	28/12/2011	Trường Trung Học Cơ Sở Hợp Hưng	0	0
5	61200558	ĐẶNG ÁNH TUYẾT	Nữ	30/06/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
6	61200559	BÙI TỔ UYÊN	Nữ	09/03/2011	THCS Tây Sơn	0	0
7	61200560	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	05/04/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
8	61200561	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	14/04/2011	Trường THCS Việt Thuận	0	0
9	61200562	TRỊNH THẢO UYÊN	Nữ	30/04/2011	Trường THCS Vũ Phúc	0	0
10	61200563	TRỊNH TỔ UYÊN	Nữ	19/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61200564	BÙI THẢO VÂN	Nữ	02/08/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
12	61200565	NGUYỄN TRẦN KHÁNH VÂN	Nữ	13/02/2011	THCS 14-10	0	0,5
13	61200566	VŨ THỊ HÀ VÂN	Nữ	20/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0

Danh sách gồm: 13 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6224
HỘI ĐỒNG COI THI: ĐẠI HỌC THÁI BÌNH
(Môn thi: Tiếng anh chuyên)**

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61200567	VŨ THỊ THANH VÂN	Nữ	06/09/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Các	0	0
2	61200568	LÊ NGUYỄN VŨ	Nam	30/12/2011	Trường THCS Lê Hồng Phong	0	0
3	61200569	NGUYỄN SỸ ANH VŨ	Nam	07/08/2011	Trường THCS Trần Lâm	0	1
4	61200570	PHẠM MINH VŨ	Nam	15/02/2011	Trường trung học cơ sở Nguyễn Hiền	0	0
5	61200572	ĐẶNG TƯỜNG VY	Nữ	20/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
6	61200573	ĐỖ KHÁNH VY	Nữ	07/11/2011	THCS Vũ Thư	0	0
7	61200575	LƯƠNG TIÊU VY	Nữ	26/08/2011	Trường THCS Tân Phong	0	0
8	61200576	NGUYỄN PHƯƠNG VY	Nữ	30/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
9	61200577	PHẠM THẢO VY	Nữ	01/01/2011	THCS Vũ Thư	0	0
10	61200578	VŨ PHƯƠNG VY	Nữ	13/10/2011	TH và THCS Hồng Lý	0	0
11	61200579	BÙI NHƯ Ý	Nữ	12/07/2011	Trường THCS Vũ Phúc	0	0
12	61200580	TRẦN NHƯ Ý	Nữ	11/05/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Lâm	0	0,5
13	61200581	ĐỖ HOÀNG YẾN	Nữ	01/01/2011	Trường THCS Song Lãng	0	0

Danh sách gồm: 13 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

